

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thành Chí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đặng Thị Thu V, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn B, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh T.

(*Chị V và anh B có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, chị Đặng Thị Thu V trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 1995, chị Đặng Thị Thu V sống chung sống chung với anh Nguyễn Văn B, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T. Trong thời gian sống chung, chị V với anh B có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; chị V ly thân anh B từ tháng 01/2022 cho đến nay. Tình cảm không còn, chị V yêu cầu ly hôn anh B.

Về con chung: Chị V với anh B có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Phúc Y, sinh ngày 31/12/1996 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 30/11/2007; cháu Y đang sống chung với anh B. Chị V giao cháu Y cho anh B tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Y đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị V không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 1995, anh B với chị V sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T. Trong thời gian sống chung, anh B với chị V không có phát sinh mâu thuẫn gì, nhưng có bất đồng quan điểm sống; anh B với chị V đã ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Anh B yêu cầu sống chung lại với chị V, không đồng ý ly hôn chị V.

Về con chung: Anh B với chị V có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Phúc Y, sinh ngày 31/12/1996 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 30/11/2007; cháu Y đang sống chung với anh B. Anh B yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi cháu Y. Cháu Y đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh B không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Thu V. Cho chị Đặng Thị Thu V ly hôn anh Nguyễn Văn B.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 30/10/2007 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995, chị V với anh B sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh T. Chị V với anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay; vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh B yêu cầu tiếp tục cuộc sống hôn nhân với chị V, nhưng chị V không đồng ý và cương quyết ly hôn anh B. Xét thấy tình cảm giữa chị V với anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị V yêu cầu được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử cho chị V ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị V với anh B có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Phúc Y, sinh ngày 31/12/1996 và Nguyễn Hải Y, sinh ngày 30/11/2007; cháu Y đang sống chung với anh B. Xét cháu Y hiện đang sống chung với anh B; đồng

thời cháu Y có nguyện vọng sống chung với anh B sau khi chị V ly hôn anh B; đồng thời chị V và anh B thống nhất anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y sau khi anh chị ly hôn; nên giao cháu Y cho anh B tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Nguyễn Hoàng Phúc Y, sinh ngày 31/12/1996 đã thành niên, không yêu cầu, nên không xem xét.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị Thu V.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thu V được ly hôn anh Nguyễn Văn B

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 30/11/2007 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Đặng Thị Thu V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006109 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị V đã nộp xong án phí.

+ Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị V và anh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhân:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Vĩnh Hựu; huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu